

Số: **1253** /QĐ-BNN-TCCB

Hà Nội, ngày **13** tháng 6 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý và tổ chức
thực hiện Dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được sửa đổi theo Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định 131/2006/ND-CP ngày 9 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA);

Căn cứ Thông tư số 03/2007/TT-BKH ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý chương trình, dự án ODA;

Trên cơ sở Quyết định số 3767/QĐ-BNN-TCCB ngày 11 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế quản lý và tổ chức thực hiện Dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp; Quyết định số 1182/QĐ-BNN-HTQT ngày 02 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh và gia hạn thời gian thực hiện Dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp (tại Văn bản số 1020/DALN-WB3 ngày 01/6/2011);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý và tổ chức thực hiện Dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp ban hành theo Quyết định số 3767/QĐ-BNN-TCCB ngày 11 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, liên quan tới công tác điều hành, hệ thống tổ chức và phân cấp quản lý thực hiện các Hợp phần 1, 2 và 4:

1. Điều 2 (Điều hành Dự án) được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 2. Điều hành Dự án

Dự án phát triển ngành Lâm nghiệp được tổ chức điều hành thống nhất từ Trung ương (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đến các tỉnh trong vùng dự án (tỉnh, huyện và xã) và các tỉnh có vườn quốc gia, khu rừng đặc dụng đáp ứng tiêu chí đầu tư của Dự án theo hướng phân cấp quản lý dự án cho cấp tỉnh, đặc biệt về quản lý tài chính.

Hệ thống quản lý, điều hành Dự án được xác định phù hợp quy định tại Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 9/11/2006 của Chính phủ, Thông tư số 03/2007/TT-BKH ngày 12/3/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với các Hợp phần 1, 2 và 4 (riêng Hợp phần 3 thực hiện theo Quyết định số 3767/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế quản lý và tổ chức thực hiện Dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 3269/QĐ-BNN-TCCB ngày 24/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

1. Cấp Trung ương

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ quản về tổng thể Dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp;

b) Ban Điều hành dự án Trung ương;

c) Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, là chủ đầu tư các Hợp phần 1, 2 và 4 được giao quản lý, thực hiện. Ngân hàng Chính sách Xã hội là chủ đầu tư nguồn vốn tín dụng cho vay lại thuộc Hợp phần 2;

d) Ban Điều phối dự án Trung ương là cơ quan thường trực của Ban Điều hành dự án Trung ương, có nhiệm vụ điều phối chung toàn bộ hoạt động của Dự án; đồng thời giúp chủ đầu tư quản lý thực hiện các nội dung hoạt động được giao thuộc các Hợp phần về Phát triển thể chế (Hợp phần 1), Trồng rừng sản xuất (Hợp phần 2), Quản lý, giám sát và đánh giá dự án (Hợp phần 4).

đ) Ban Quản lý dự án Ngân hàng Chính sách Xã hội thuộc Hợp phần 2.

2. Cấp tỉnh

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham gia dự án là cơ quan chủ quản đầu tư Dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp tại tỉnh;

b) Ban Điều hành dự án tỉnh;

xã. Tổ công tác xã sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân xã để phục vụ cho việc thực hiện các hoạt động của Dự án được giao phù hợp với các quy định của pháp luật.

Cơ cấu, thành phần Tổ công tác xã gồm:

a) Tổ trưởng do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã kiêm nhiệm;

b) Các thành viên khác do Ủy ban nhân dân huyện quyết định trên cơ sở khối lượng công việc dự án được triển khai trên địa bàn xã, nhưng tổng số không quá 8 người”.

4. Điểm 2.1, khoản 2, Điều 13 (Phân cấp lập dự toán và phê duyệt dự toán) được sửa đổi như sau:

“2.1 Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp phê duyệt dự toán các gói thầu do Ban Điều phối dự án Trung ương thực hiện; phê duyệt dự toán chi thường xuyên của Ban Điều phối dự án Trung ương. Nội dung phê duyệt được chi tiết theo từng nguồn vốn”.

5. Khoản 8 (Ban thực hiện dự án huyện), Điều 5 (Chức năng nhiệm vụ của các Ban Điều hành, Ban Quản lý và các tổ chức thực hiện dự án) được sửa đổi như sau:

“8. Ban Quản lý dự án huyện”.

6. Điểm 2.3, khoản 2, Điều 13 (Phân cấp lập dự toán và phê duyệt dự toán) được sửa đổi như sau:

“2.3. Phân cấp cho các tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch mua sắm tổng thể của Ban Quản lý dự án tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh có thể phân cấp cho Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn phê duyệt dự toán (nội dung phê duyệt cần ghi rõ chi tiết nguồn vốn trong nước, ngoài nước và tỷ lệ từng nguồn vốn) đối với: Các gói thầu do Ban Quản lý dự án tỉnh thực hiện; Các hội nghị, hội thảo, đào tạo, tập huấn, tham quan học tập ở cấp tỉnh; Chi đầu tư và chi thường xuyên cho Ban Quản lý dự án tỉnh (bao gồm cả Ban Quản lý dự án huyện và Tổ công tác xã)”.

7. Điểm 2.4, khoản 2, Điều 13 (Phân cấp lập dự toán và phê duyệt dự toán) được sửa đổi như sau:

“2.4 Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp phê duyệt dự toán các hội nghị, hội thảo, đào tạo, tập huấn, tham quan học tập trong nước và ngoài nước ở cấp Trung ương”.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là chủ đầu tư những hoạt động của Dự án được giao trong phạm vi tỉnh thuộc Hợp phần 1, 2 và 4;

d) Ban quản lý dự án tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, là cơ quan thường trực giúp việc Ban Điều hành dự án tỉnh, đồng thời giúp chủ đầu tư quản lý, thực hiện các hoạt động của Hợp phần 1, 2 và 4 trên địa bàn tỉnh.

đ) Ban Quản lý dự án huyện;

e) Tổ công tác xã”.

2. Khoản 3, Điều 4 (Tổ chức cấp địa phương) được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Ban Quản lý dự án huyện do chủ dự án của tỉnh quyết định thành lập, đặt tại Ủy ban nhân dân huyện tham gia dự án, có chức năng giúp chủ dự án của tỉnh quản lý thực hiện các hoạt động của Dự án trên địa bàn huyện theo quy định. Ban Quản lý dự án huyện có tài khoản và được phép sử dụng con dấu riêng để phục vụ cho việc thực hiện các hoạt động của Dự án phù hợp với các quy định của pháp luật.

Cơ cấu, thành phần Ban Quản lý dự án huyện gồm:

a) Giám đốc Ban Quản lý dự án huyện do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách kinh tế của Ủy ban nhân dân huyện kiêm nhiệm;

b) Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án huyện là 01 lãnh đạo cơ quan chuyên môn liên quan của huyện, do Ủy ban nhân dân huyện đề xuất;

c) Các thành viên khác của Ban Quản lý dự án huyện có thể từ 05-10 người, là đại diện các cơ quan chuyên môn liên quan của huyện, do chủ dự án tỉnh quyết định dựa trên cơ sở khối lượng công việc cụ thể của dự án triển khai trên địa bàn huyện và tình hình thực tế tại địa phương, nhưng không vượt mức định biên số cán bộ cho các Ban Quản lý dự án huyện của tỉnh (bình quân mỗi huyện là 08 người), trong đó yêu cầu tối thiểu phải có từ 03 đến 04 cán bộ chuyên trách đảm nhiệm các vị trí chủ chốt như: Giám sát đánh giá, Khuyến lâm, Phát triển dân tộc thiểu số, Chứng chỉ rừng...”.

3. Khoản 4, Điều 4 (Tổ chức cấp địa phương) được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Tổ công tác xã: Các xã trong vùng dự án có các Tổ công tác xã do Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập để giúp việc Ban Quản lý dự án huyện, đồng thời trực tiếp thực hiện các hoạt động của dự án được giao trên địa bàn

Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này.
3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp, Ủy ban nhân dân các tỉnh vùng dự án và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các Vụ: KH, TC, HTQT;
- Tổng cục Lâm nghiệp;
- Cục Quản lý xây dựng công trình;
- Ban Quản lý các DA Lâm nghiệp;
- UBND các tỉnh vùng dự án: Q.Nam, Q.Ngãi, Th.Thiên Huế, B.Định, Th.Hoá, Nghệ An;
- Lưu: VT, TCCB.



Hứa Đức Nhị